TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An
Các Hội thẩm nhân dân:
1, Bà Nguyễn Thị Bích Hường
2, Bà Lê Thị Thanh Mai
Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ
Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Dương Tiến M - sinh năm 1979
TQ: Xóm TS, xã VL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên
(có mặt tại phiên tòa)

+ Bị đơn: Chị Triệu Thị L- sinh năm 1984
TQ: Xóm MB, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên
(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/02/2018, bản tự khai ngày 05/3/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Tiến M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M và chị Triệu Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc. Vì vậy, sau 3 tháng, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó, chị L không về nhà chồng lần nào nữa, vợ chồng cũng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân 13 năm nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn chị Triệu Thị L vắng mặt nên không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, tại các Biên bản xác minh của Tòa án ngày 14/3/2018 và ngày 10/4/2018, ông Triệu Tiến L là bố đẻ của chị L cho biết: Chị L hiện nay đang đi làm xa, tuy nhiên, chị L có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh M. Chị có nói lại với gia đình là chị nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Do chị bận đi làm ăn xa nên không có thời gian để đến Tòa án, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về tình trạng hôn nhân của chị L và anh M, ông L cho biết: Sau khi vợ chồng cưới nhau, chị L về nhà chồng sinh sống được khoảng 4 – 5 tháng thì bị lừa đi Trung Quốc. Đến năm 2011 chị L về nước và ở cùng gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay, không về nhà chồng lần nào nữa. Ông L cũng cho biết thêm: Vợ chồng chị L, anh M không có tài sản chung và con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy dịnh tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Dương Tiến M, cho anh M được ly hôn chị L. Về con chung: Không có. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về tố tụng**: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm MB, xã TL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến để cung cấp lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án không tiến hành

hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, chị L vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Triệu Thị L.

[2.] **Về nội dung**: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, thấy rằng, anh Dương Tiến M và chị Triệu Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ thông tin do đại diện thân nhân của bị đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Anh M và chị L chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng được vài tháng thì ly thân cho đến nay là 13 năm, chị L không quay về nhà chồng lần nào nữa. Vợ chồng cũng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau kể từ thời điểm ly thân năm 2005. Điều đó cho thấy, giữa anh M và chị L không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M xin ly hôn, chị L mặc dù đã biết nhưng chị không có ý kiến gì bày tỏ mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho anh được ly hôn chị L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Anh M xác định không có, chị L không cung cấp lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

□n phí: Anh M phải chịu án phí sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 , Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Dương Tiến M đối với chị Triệu Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Tiến M được ly hôn chị Triệu Thị L.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

*** Án phí:** Anh M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 02/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0015951.

Anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã VL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Vũ Thị An

(Đã ký)